

Số: /TB-STNMT

Đắk Nông, ngàytháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO
Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022
Đơn vị được thông báo: Văn phòng Sở
Mã chương: 426

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo tài chính; báo cáo quyết toán năm 2022 của Đơn vị dự toán: Văn phòng Sở,

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 (không bao gồm quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản) của Văn phòng Sở như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 757.524.307 đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 757.524.307 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại: 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1a kèm theo).

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 27.190.368.768 đồng
- Dự toán được giao trong năm 99.699.000.000 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 45.783.000.000 đồng;
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 53.916.000.000 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm: 43.407.911.716 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 43.407.911.716 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 30.706.258.938 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 52.775.198.114 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 52.775.198.114 đồng;

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1c kèm theo).

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 124.380.847 đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 124.380.847 đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang 27.190.368.768 đồng (*trong đó: 27 tỷ đồng NSTW hỗ trợ thực hiện dự án: Nâng cấp hệ thống quan trắc môi trường được Sở Tài chính chuyển nguồn sang năm 2022 theo thông báo tại Công văn số 1904/STC-QLNS ngày 30/9/2022; 190.368.768 đồng kinh phí thường xuyên tự chủ tiết kiệm được năm 2021 chuyển sang 2022 tiếp tục thực hiện*).

Dự toán được giao trong năm (*đầu năm và bổ sung trong năm*): 99.699.000.000 đồng (*dự toán thực nhập Tabmis giảm so với Quyết định giao dự toán đầu năm của UBND tỉnh do dự án tổng thể Đo đạc, cấp GCN QSD đất, xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính Sở Tài chính nhập Tabmis còn thiếu 9,004 tỷ đồng so với dự toán giao*).

Kinh phí thực nhận và chi quyết toán trong năm 43.407.911.716 đồng.

Kinh phí giảm trong năm 30.706.258.938 đồng; trong đó: Kinh phí NSTW hỗ trợ dự án: Nâng cấp hệ thống quan trắc môi trường 27 tỷ đồng không kịp thực hiện và giải ngân trong năm 2022, đã đối chiếu số liệu với KBNN và hủy dự toán. Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường NSDP hủy dự toán 2.510.456.630 đồng (*trong đó: kinh phí Lắp đặt trạm quan trắc tự động liên tục tại hồ Gia nghĩa, hồ Đắc Rtih, hồ Tà Đùng hủy 1,8 tỷ đồng; kinh phí xây dựng chương trình thí điểm phân loại rác tại nguồn; chống rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh Đắc Nông hủy 188.525.160 đ; Kinh phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường; thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp; thẩm định hồ sơ thăm dò, khai thác tài nguyên nước và điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất hủy 321.845.820 đ; Kinh phí kiểm tra, xử lý đơn thư phản ánh ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và duy trì hoạt động đường dây nóng về bảo vệ môi trường trên toàn tỉnh hủy 94.033.770đ; Kinh phí xác định hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, cấp sổ chủ nguồn thải, chất thải nguy hại hủy 76.804.410 đ*). Kinh phí Lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 hủy 1.105.528.629 đồng; kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể hủy 81.080.169 đồng.

Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán 52.775.198.114 đồng (*trong đó: 217.411.879 đồng kinh phí thường xuyên tự chủ tiết kiệm được năm 2022 chuyển sang 2023 tiếp tục thực hiện; kinh phí Lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính và cấp giấy*

chứng nhận đối với đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, Ban quản lý rừng và các tổ chức khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông 50 tỷ đồng được bổ sung kinh phí sau 30/9; Kinh phí thực hiện dự án khoanh định, công bố vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất và công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, ngưỡng khai thác nước dưới đất 900 triệu đồng được bổ sung sau 30/9; Kinh phí xây dựng thí điểm lắp đặt thiết bị và phân mềm giám sát tại các bãi tập kết của các mỏ cát xây dựng trên sông Krông Nô 1,5 tỷ đồng được bổ sung sau 30/9; Kinh phí chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh 292.235 đồng được bổ sung sau 30/9; Kinh phí tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá đất 100 triệu đồng được bổ sung sau 30/9; Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ môi trường 57,494 triệu đồng được bổ sung sau 30/9).

Về cơ bản, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ chi theo đúng dự toán chi tiết và nội dung chi được cấp thẩm quyền giao. Không có chênh lệch giữa số liệu xét duyệt/thẩm định với số liệu báo cáo.

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ⁴:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: -132.422 đồng, trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng
- Trích lập các Quỹ: 0 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1b kèm theo).

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị nộp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán đúng thời hạn quy định.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đơn vị thực hiện đầy đủ các mẫu biểu quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Về thực hiện xét duyệt quyết toán năm đối với đơn vị dự toán cấp dưới, đơn vị trực thuộc (đối với đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán cấp I): đơn vị đã kiểm tra, đối chiếu chứng từ, sổ sách, số liệu quyết toán khớp đúng với đối chiếu tại Kho bạc.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước: về lập, phân bổ và giao dự toán; về mua sắm, sửa chữa tài sản; quản lý và sử dụng tài sản; chế độ thu, nộp ngân sách nhà nước; chế độ chi tiêu; hạch toán thu, chi, mục lục ngân

sách nhà nước: Đơn vị cơ bản chấp hành các quy định về lập, phân bổ và giao dự toán; về mua sắm, sửa chữa tài sản, mở sổ sách kế toán đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính và hạch toán thu, chi theo mục lục ngân sách nhà nước; đã thực hiện kê khai, trích nộp vào NSNN các loại thuế, phí và lệ phí theo quy định.

- Việc hạch toán kế toán: Đơn vị đã hạch toán các khoản thu, chi theo chế độ kế toán ngân sách nhà nước hiện hành và Mục lục Ngân sách nhà nước.

- Tính hợp pháp của các khoản chi: đơn vị bám sát dự toán chi NSNN được giao về tổng số và chi tiết theo từng nhiệm vụ chi; cơ bản chi đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, quy định hiện hành của nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Về chứng từ kế toán: cơ bản đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, được lưu giữ đầy đủ theo quy định.

Nơi nhận:

- Các phòng; CC BVMT;
- Lãnh đạo Sở;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KH-TC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiệp